

Số: 4475/TB-BKHCN

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2014

|                                  |   |
|----------------------------------|---|
| SỞ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI |   |
| CÔNG VĂN ĐẾN                     | Số <u>1076</u><br>Ngày <u>5/12/2014</u> |

## THÔNG BÁO

Về việc thống nhất nội dung tổ chức Hội nghị giao ban khoa học và công nghệ vùng Đông Nam Bộ lần thứ XIII - năm 2015

Thực hiện công văn số 4126/BKHCN-ĐP ngày 10/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ; công văn số 10788/UBND-CNN ngày 14/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phối hợp tổ chức Hội nghị Khoa học và Công nghệ vùng Đông Nam Bộ lần thứ XIII, ngày 26/11/2014, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai phối hợp với Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương tổ chức cuộc họp thống nhất kế hoạch tổ chức Hội nghị giao ban khoa học và công nghệ (KH&CN) vùng Đông Nam Bộ lần thứ XIII - năm 2015 (sau đây gọi tắt là Hội nghị giao ban Vùng).

Tham dự cuộc họp còn có đại diện lãnh đạo Vụ Phát triển KH&CN địa phương, Cục Công tác phía Nam, Bộ KH&CN; lãnh đạo và chuyên viên Sở KH&CN các tỉnh/thành phố vùng Đông Nam Bộ;

Sau khi nghe Lãnh đạo đơn vị đăng cai tổ chức trình bày kế hoạch, nội dung, dự kiến các hoạt động diễn ra trước, trong và sau Hội nghị giao ban Vùng... lãnh đạo Sở KH&CN các tỉnh/thành phố đã có ý kiến góp ý và thống nhất với kế hoạch, nội dung, các hoạt động diễn ra trong Hội nghị giao ban Vùng lần thứ XIII như sau:

1/ Chủ đề Hội nghị: "**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÙNG ĐÔNG NAM BỘ ĐẾN NĂM 2020**"

2/ Các hoạt động bao gồm:

- Hội nghị giao ban KH&CN các tỉnh vùng Đông Nam Bộ lần thứ XIII;
- Hội thảo khoa học chuyên đề;
- Chợ Công nghệ - Thiết bị và Thương mại (Techmart);
- Giao lưu thi đấu thể dục - thể thao, văn nghệ giữa các đơn vị trong vùng;
- Ngày hội ruộng đồng (Nội dung này do Sở KH&CN tỉnh Đồng Nai chủ động tổ chức).

### **3/ Nội dung Hội nghị giao ban KH&CN và Hội thảo khoa học chuyên đề**

#### **3.1 Hội nghị giao ban KH&CN**

- Thống nhất các nội dung tại văn bản số 4126/BKHCN-ĐP ngày 10/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phối hợp tổ chức Hội nghị giao ban KH&CN vùng Đông Nam Bộ;

- Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động KH&CN của các tỉnh/thành phố giai đoạn 2011 - 2015; từ đó định hướng những mục tiêu phát triển KH&CN trọng điểm của vùng tới năm 2020. Lưu ý: Nội dung báo cáo cần thể hiện bằng số liệu cụ thể; lựa chọn một số thành tựu nổi bật, sản phẩm chủ lực của từng địa phương (*Đề cương báo cáo gửi kèm theo công văn này*);

- Các địa phương trong Vùng chủ động thu thập hình ảnh, tư liệu để xây dựng báo cáo đánh giá kết quả hoạt động KH&CN chung của Vùng (*dự kiến trong tháng 2 gửi về Sở KH&CN Đồng Nai xây dựng kịch bản phim*);

- Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai sẽ chủ động xây dựng chương trình truyền thông về khoa học và công nghệ trước và trong khi diễn ra Hội nghị;

- Vụ Phát triển KH&CN Địa phương tham mưu Lãnh đạo Bộ để có văn bản đề nghị Lãnh đạo các tỉnh/thành phố trong Vùng sắp xếp công việc tham dự Hội nghị giao ban KH&CN.

#### **3.2 Hội thảo khoa học chuyên đề**

- Tập trung vào 02 chủ đề chính:

+ Cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực, trình độ công nghệ;

+ Cơ chế tổ chức, đầu tư và tài chính cho KH&CN.

- Vụ Phát triển KH&CN địa phương chịu trách nhiệm đặt hàng các tham luận liên quan đến nội dung về ứng dụng công nghệ của các địa phương ngoài vùng Đông Nam Bộ và các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN.

**4/ Về thời gian tổ chức:** Từ ngày 21-25/3/2015, cụ thể:

- Ngày 21/3: Khai mạc Techmart vùng Đông Nam Bộ;

- Ngày 23-24/3: Tổ chức các hoạt động giao lưu thi đấu thể dục - thể thao, văn nghệ Vùng;

- Ngày 24/3: Tổ chức các Hội thảo khoa học chuyên đề;

- Sáng 25/3: Khai mạc Ngày hội ruộng đồng (do Sở KH&CN Đồng Nai tổ chức) và tổ chức Hội nghị giao ban KH&CN các tỉnh/thành phố Vùng Đông Nam Bộ lần thứ XIII.

Kế hoạch chi tiết của từng nội dung, Sở KH&CN tỉnh Đồng Nai sẽ phối hợp với Vụ Phát triển KH&CN Địa phương xây dựng hoàn chỉnh và gửi tới Sở KH&CN các tỉnh/thành phố trong tháng 12/2014.

Trên đây là thông báo số 1 của Ban Tổ chức Hội nghị giao ban KH&CN vùng Đông Nam Bộ năm 2015, đề nghị lãnh đạo Sở KH&CN các tỉnh trong vùng phối hợp và tổ chức triển khai để Hội nghị đạt kết quả tốt.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng Bộ KH&CN;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Thứ trưởng Trần Việt Thanh (b/c);
- Sở KH&CN vùng ĐNB;
- Lưu: VT, ĐP

**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG  
VỤ PHÁT TRIỂN KH&CN ĐỊA PHƯƠNG**



**Hồ Ngọc Luật**

Số: /BC-SKHCCN

....., ngày ... tháng ... năm 2014

**BÁO CÁO**  
**Kết quả hoạt động KH&CN giai đoạn 2011 - 2015,**  
**định hướng hoạt động giai đoạn 2016 - 2020**

**Căn cứ xây dựng báo cáo**

1. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 (Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012); Quyết định 1244...
2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng... Đông Nam Bộ đến năm 2020 (Quyết định số 943/QĐ-TTg ngày 20/7/2012).
3. Các chỉ tiêu trong Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ của tỉnh/thành phố...

**Phần I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KH&CN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

**I. Kết quả triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN tại địa phương**

Lưu ý: **Không liệt kê** các văn bản do Sở KH&CN tham mưu ban hành mà **tập trung** nêu rõ những nội dung, chính sách từ các văn bản quy phạm pháp luật được cụ thể hóa cho phù hợp, hiệu quả với điều kiện thực tế của tỉnh/thành phố.

**II. Kết quả hoạt động KH&CN**

*1. Những kết quả, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội đạt được có sự đóng góp của KH&CN (Mô tả một số kết quả chủ yếu tại Biểu 1.Phụ lục). Tập trung đánh giá kết quả đạt được qua đó nêu bật được sự đóng góp của KH&CN trong 5 năm qua, cụ thể:*

**1.1- Trong Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:**

*+ Những thành tựu, kết quả về phát triển các sản phẩm nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu, tổ chức sản xuất-kinh doanh quy mô lớn, phát triển sản phẩm mới,... (Nêu rõ quy mô, khối lượng, năng suất tăng trưởng... và quy đổi tổng giá trị gia tăng có thể đạt được) có sự đóng góp của KH&CN thông qua việc đầu tư nghiên cứu về giống, quy trình kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất để thương mại sản phẩm, đăng ký thương hiệu,....*

+ Những sản phẩm được phát triển dựa trên bảo hộ SHTT (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu công nhận, tập thể, hàng hóa...): khái toán mức tăng quy mô sản xuất, lao động, tiêu thụ hàng hóa nội địa, xuất khẩu...

1.2- Trong công nghiệp, xây dựng, giao thông : Tương tự như lĩnh vực nông nghiệp;

1.3- Trong dịch vụ, thương mại và du lịch: Tương tự như lĩnh vực nông nghiệp;

1.4- Trong Y tế, giáo dục: Tương tự như lĩnh vực nông nghiệp;

1.5- Kết quả hỗ trợ doanh nghiệp đặc biệt-là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc: Hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nghiên cứu khoa học để cải tiến công nghệ, sản-xuất-sản phẩm mới, áp dụng hệ-thống quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng thương hiệu... để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh.

#### Lưu ý:

+ **Không liệt kê** tên đề tài, dự án mà chỉ nêu đối tượng phục vụ? giá trị kinh tế? Quy mô sản xuất?...

+ Kết quả tập trung đầu tư hỗ trợ phát triển các sản phẩm trọng điểm có lợi thế so sánh của địa phương: Mỗi địa phương lựa chọn 2-3 sản phẩm trọng điểm, chủ lực của địa phương mà KH&CN tập trung hỗ trợ, đầu tư phát triển?

+ Ngoài những nội dung nêu trên, tùy tình hình thực tế hoạt động, các địa phương có thể bổ sung thêm kết quả của một số nội dung khác.

### **2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Chiến lược KH&CN**

- Giá trị TFP của địa phương (đã đánh giá hay chưa đánh giá? Nếu chưa đánh giá thì ước khoảng đạt bao nhiêu %? Lý do chưa đánh giá được)

- Tỷ lệ % sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong giá trị sản xuất công nghiệp? (đã đánh giá hay chưa đánh giá? Nếu chưa đánh giá thì nêu lý do và ước khoảng đạt bao nhiêu %?)

- Tốc độ đổi mới công nghệ? phát triển thị trường KH&CN?

- Số doanh nghiệp đã được cấp hoặc đang hoàn thiện hồ sơ để cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp KH&CN?

- Tổng đầu tư ngân sách nhà nước về KH&CN (bao gồm cả kinh phí sự nghiệp và đầu tư phát triển)/Tổng đầu tư xã hội (Biểu 2. Phụ lục)

- Về sở hữu trí tuệ:

+ Số lượng đơn đăng ký bằng độc quyền sáng chế?/Số văn bằng được cấp?

+ Số lượng đơn đăng ký bằng giải pháp hữu ích?/Số văn bằng được cấp?

+ Số lượng đơn đăng ký bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp?/Số văn bằng được cấp?

+ Số lượng đề nghị giấy chứng nhận: đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.../Số lượng được cấp?

### **III. Đánh giá khái quát những thành tựu và hạn chế trong hoạt động KH&CN của giai đoạn 2011- 2015**

#### **1. Thành tựu**

- Những đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?
- Những đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của Vùng?

#### **2. Những hạn chế**

#### **3. Nguyên nhân**

- Nguyên nhân khách quan?
- Nguyên nhân chủ quan?

### **Phần II. ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

#### **I. Định hướng, mục tiêu**

#### **II. Những nhiệm vụ chủ yếu**

#### **III. Sản phẩm chủ lực của địa phương và của Vùng**

- Lựa chọn tối đa 3 sản phẩm, bao gồm sản phẩm chủ lực của vùng, của quốc gia và sản phẩm chủ lực đặc hữu của địa phương? hướng quy mô sản xuất phát triển?

- Đề xuất những vấn đề khoa học và công nghệ đặt ra cần triển khai thực hiện để phát triển sản phẩm chủ lực.

#### **IV- Giải pháp thực hiện**

### **PHẦN III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**I. Những đề xuất, kiến nghị cụ thể đối với Bộ, ngành và các cơ quan Trung ương?**

**II. Những đề xuất, kiến nghị cụ thể đối với tỉnh/thành phố**

Lưu ý: Các kiến nghị cần tập hợp theo các nhóm về cơ chế, chính sách, về các lĩnh vực hoạt động KH&CN đề xuất hỗ trợ các đề án, dự án chung của cả vùng, của từng tỉnh.

**Giám đốc**

*(ký tên, đóng dấu)*

**PHỤ LỤC BÁO CÁO**  
**Kết quả hoạt động KH&CN giai đoạn 2011 - 2015,**  
**định hướng hoạt động giai đoạn 2016 - 2020**

**Biểu 1. Danh mục một số kết quả nổi bật giai đoạn 2011-2015**

| Tên kết quả | Xuất xứ của kết quả<br>- Tên đề tài/dự án<br>- Cơ quan chủ trì. | Quy mô, khối lượng sản phẩm, chỉ tiêu-kinh tế, kỹ thuật chủ yếu | Hiệu quả kinh tế-xã hội | Địa chỉ áp dụng | Ghi chú (sản phẩm chủ lực hay không?) |
|-------------|---|---|-------------------------|-----------------|---------------------------------------|
| (2)         | (3)   | (4)   | (5)                     | (6)             |                                       |
|             |   |   |                         |                 |                                       |
|             |   |   |                         |                 |                                       |

**Biểu 2. Kinh phí cho hoạt động KHCN 2011-2015**

(ĐVT: triệu đồng)

| Năm         | Kinh phí Đầu tư phát triển |           | Kinh phí sự nghiệp |           | Kinh phí Thực hiện |              | Tổng số kinh phí đầu tư xã hội |
|-------------|----------------------------|-----------|--------------------|-----------|--------------------|--------------|--------------------------------|
|             | TW thông báo               | Thực hiện | TW thông báo       | Thực hiện | Đầu tư phát triển  | Sự nghiệp KH |                                |
| 2011        |                            |           |                    |           |                    |              |                                |
| 2012        |                            |           |                    |           |                    |              |                                |
| 2013        |                            |           |                    |           |                    |              |                                |
| 2014        |                            |           |                    |           |                    |              |                                |
| 2015        |                            |           |                    |           |                    |              |                                |
| <b>Tổng</b> |                            |           |                    |           |                    |              |                                |